

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-8-2018.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

2. Ông Mai Xuân Đùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1994 - (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện H, tỉnh Kon Tum.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D - sinh năm 1991 - (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn D tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2012 tại UBND xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn tôi và ông D

chung sống tại nhà cha mẹ đẻ của ông D. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do ông D không lo làm ăn, hay chơi game. Mặc dù tôi đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông D không nghe, không thay đổi, mà còn đánh đập tôi, tôi phải bỏ trốn khỏi nhà ông D để bảo vệ tính mạng mình. Tôi và ông D đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin ly hôn với ông D.

Về con chung: Tôi và ông D có một con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N - sinh ngày 21/9/2012. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn - ông D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D vẫn không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của ông D và cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông D đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng như Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông D theo quy định pháp luật nhưng ông D không lên Tòa án làm bản tự khai, tham gia hòa giải theo quy định nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay ông D vắng mặt không lý do lần thứ hai nên Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Bà P và ông D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/4/2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, bà P và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân như bà P trình

bày là do ông D không lo làm ăn, hay chơi game và còn đánh đập bà P. Nay bà P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Ông D và bà P kết hôn vào năm 2012 và chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của ông D là ông H và bà T. Quá trình chung sống ông D và bà P mâu thuẫn như thế nào? Nguyên nhân làm sao thì chính quyền địa phương không nắm được. Tuy nhiên thời gian đã lâu (từ năm 2014 - 2015) thì bà P bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, không còn qua lại, không quan tâm và không còn tình cảm với ông D.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà P và ông D không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N - sinh ngày 21/9/2012 đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông D đến làm việc về vấn đề con chung, tuy nhiên ông D không đến Tòa án để làm việc nên không thể hiện nguyện vọng của ông D đối với con chung là như thế nào. Mặt khác, cháu N cũng còn nhỏ tuổi, do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao cháu Nguyễn Thị Kim N - sinh ngày 21/9/2012 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P đối với ông D. Bà P được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim N - sinh ngày 21/9/2012 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ông D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003605 ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- UBND xã K, BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đông